



Số: 012874 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 11543.19



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP.HCM.
Tên mẫu : Nước Uống – Vinamilk ICY Premium
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 05 chai x 500 mL
Ngày nhận mẫu : 12/06/2019
Người gửi mẫu : Phan Ngọc Mỹ Hòa
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliforms tổng số	TCVN 6187-1:2009 (b)	0 CFU/250 mL	14/06/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (b)	0 CFU/250 mL	14/06/2019
3	<i>Streptococci faecal</i>	TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2:2000 (E)) (b)	0 CFU/250 mL	14/06/2019
4	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (b)	0 CFU/250 mL	14/06/2019
5	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	TCVN 6191-2:1996 (ISO 6461-2:1986) (b)	0 CFU/50 mL	14/06/2019

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21-06-2019

TUO. VIỆN TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Lê Thị Ngọc Hạnh

Số: 012873 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 11541.19



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP.HCM.
Tên mẫu : Nước Uống – Vinamilk ICY Premium
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 15 chai x 500 mL
Ngày nhận mẫu : 12/06/2019
Người gửi mẫu : Phan Ngọc Mỹ Hòa
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Crom tổng (Cr)	SMEWW 3120 B - 2017 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/L	18/06/2019
2	Mangan (Mn)	SMEWW 3120 B - 2017 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/L	18/06/2019
3	Cyanid (CN ⁻)	Journal of Chromatography A, 1155 (2007, 31-39, USA)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/L	17/06/2019
4	Chì (Pb)	SMEWW 3113 B - 2017 (a)	< MLOQ = 0,001 mg/L	17/06/2019
5	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113 B - 2017 (a)	< MLOQ = 0,001 mg/L	17/06/2019
6	Đồng (Cu)	SMEWW 3120 B - 2017 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/L	18/06/2019
7	Clor	SMEWW 4500 - Cl B - 2017	Không phát hiện MLOD = 0,09 mg/L	14/06/2019
8	Clorat	Ref. EPA 300.1 - 1999	Không phát hiện MLOD = 0,03 mg/L	17/06/2019
9	Clorit	Ref. EPA 300.1 - 1999	Không phát hiện MLOD = 0,03 mg/L	17/06/2019
10	Bromat	Ref. EPA 300.1 - 1999	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/L	17/06/2019
11	Fluorid (F)	HD.PP.83/KXN.LH (Ref. Method 300.1, EPA - 1999) (b)	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/L	17/06/2019
12	Nitrate (NO ₃ ⁻)	HD.PP.83/KXN.LH (Ref. Method 300.1, EPA - 1999) (b)	Không phát hiện MLOD = 0,36 mg/L	17/06/2019
13	Nitrite (NO ₂ ⁻)	HD.PP.83/KXN.LH (Ref. Method 300.1, EPA - 1999) (b)	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/L	17/06/2019
14	Arsen (As)	HD.PP.21/TT.AAS (b)	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/L	14/06/2019

Đ/C: 159 Hưng phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh

Mã số mẫu: 11541.19

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
15	Bor (bao gồm Borat và Axit boric)	HD.PP.21/TT.AAS (b)	Không phát hiện MLOD = 0,020 mg/L	14/06/2019
16	Bari (Ba)	HD.PP.21/TT.AAS (b)	Không phát hiện MLOD = 0,020 mg/L	14/06/2019
17	Molybden (Mo)	HD.PP.21/TT.AAS (b)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/L	14/06/2019
18	Nickel (Ni)	HD.PP.21/TT.AAS (b)	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/L	14/06/2019
19	Stibi (Sb)	HD.PP.21/TT.AAS (b)	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/L	14/06/2019
20	Selen (Se)	HD.PP.21/TT.AAS (b)	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/L	14/06/2019
21	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.21/TT.AAS (b)	Không phát hiện MLOD = 0,00008 mg/L	14/06/2019

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The method limit of detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The method limit of quantification.

21-06-2019

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày



TS. Lê Thị Ngọc Hạnh

Số: **012875** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 11542.19



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP.HCM.
Tên mẫu : Nước Uống – Vinamilk ICY Premium
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 04 chai x 500 mL
Ngày nhận mẫu : 12/06/2019
Người gửi mẫu : Phan Ngọc Mỹ Hòa
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	TCVN 8879 : 2011 (ISO 10704:2009) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,028 Bq/L	14/06/2019
2	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	TCVN 8879 : 2011 (ISO 10704:2009) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,032 Bq/L	14/06/2019

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **21-06-2019**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Lê Thị Ngọc Hạnh